

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **129/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 27- 12 - 2022

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Oanh và ông Lương Công Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đức Vũ Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 343/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2022/QĐXX-ST ngày 23/11/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2022/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Thị Thanh S, sinh năm 1989; Trú tại: Khu phố Đ, Phường H, Thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Trương Tấn Th, sinh năm 1990, địa chỉ: Khu phố N, phường M, Tp. T, Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Phạm Thị Thanh S trình bày: Chị S kết hôn với anh Trương Tấn Th vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên, hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Từ khi kết hôn thì vợ chồng ở phía nhà vợ ở H, thị xã Đ, Phú Yên. Thời gian chung sống 6 năm, mâu thuẫn từ năm 2020, ly thân từ năm 2021, 2022. Anh Th thỉnh thoảng có về thăm con, gửi tiền về phụ giúp chăm con tùy vào từng tháng. Nguyên nhân mâu thuẫn do Anh Th khi làm việc gì liên quan đến gia đình cũng không bàn bạc với vợ, thiếu trách nhiệm trong gia đình. Vợ chồng không nói chuyện được với nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp. Gia đình hai bên không can thiệp vào cuộc sống riêng của vợ chồng. Tình trạng kéo dài khiến cho cuộc

sống của gia đình chị ngày càng nặng nề, căng thẳng, ảnh hưởng đến tinh thần và cuộc sống chị và các con. Nay Chị Syêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thịnh.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Trương Quốc H, sinh ngày 03/9/2017, cháu Trương Phạm Tú A, sinh ngày 02/4/2020 và cháu Trương Thanh S1, sinh ngày 05/11/2021. Hiện nay, Chị S là người đang nuôi dưỡng các con chung, Anh Th có gửi tiền về chu cấp nuôi con. Sau ly hôn, Chị S yêu cầu Tòa án giao 03 cháu cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và yêu cầu Anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung 6.000.000 đồng/tháng (Sáu triệu đồng/tháng) cho 03 cháu, thời gian cấp dưỡng từ khi Tòa án xét xử vụ án cho đến khi các con thành niên.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn Trương Tấn Th vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại Biên bản xác minh ngày 18/10/2022 tại Công an Phường M, thành phố T, Phú Yên xác định anh Trương Tấn Th có đăng ký thường trú tại Khu phố N, Phường M nhưng nhà đã bán từ năm 2021, hiện nay Anh Th đi đâu, làm gì không rõ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bị đơn Thịnh, yêu cầu được nuôi 03 con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 đồng/tháng (sáu triệu đồng/tháng) cho 03 cháu, thời gian cấp dưỡng từ khi xét xử vụ án cho đến khi các con thành niên. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, Điều 84 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Giao 03 cháu Trương Quốc H, sinh ngày 03/9/2017, cháu Trương Phạm Tú A, sinh ngày 02/4/2020 và cháu Trương Thanh S1, sinh ngày 05/11/2021 cho nguyên đơn S chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/cháu mỗi tháng cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xét; Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Phạm Thị Thanh S yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con với bị đơn Trương Tấn Th có địa chỉ tại khu phố N, Phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt, không rõ lý do tại phiên tòa mở lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Phạm Thị Thanh S và bị đơn Trương Tấn Th tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND Phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 119/2015 ngày 12/12/2015, đảm bảo về điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Nguyên đơn trình bày vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, những việc chung trong gia đình không được vợ chồng bàn bạc, thống nhất, không có trách nhiệm trong gia đình. Bị đơn làm việc trong thành phố Hồ Chí Minh không về, cuộc sống vợ chồng không được ai quan tâm, chia sẻ với nhau, nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn, yêu cầu ly hôn. Bị đơn vắng mặt, Tòa án đã triệu tập nhiều lần không đến Tòa làm việc nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

Xét hai bên đương sự trong thời gian sống chung xảy ra mâu thuẫn, thực tế hiện nay vợ chồng không chung sống cùng nhau, không có nghĩa vụ và trách nhiệm của vợ chồng giành cho nhau, không cùng nhau chia sẻ công việc gia đình và chăm sóc con chung, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[5] Con chung: Giữa nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung là cháu Trương Quốc H, sinh ngày 03/9/2017, cháu Trương Phạm Tú A, sinh ngày 02/4/2020 và cháu Trương Thanh S1, sinh ngày 05/11/2021. Hiện nay các con chung đều do nguyên đơn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyên đơn trình bày bị đơn yêu cầu được nuôi 02 con chung nhưng chị không đồng ý, chị yêu cầu được nuôi cả 03 con chung. Xét bị đơn không đến Tòa trình bày cũng như không có ý kiến gì về việc nuôi con. Xét cả 03 con chung hiện nay còn rất nhỏ, đã ở với mẹ từ khi ra đời cho đến nay nên để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của các con chung, Hội đồng xét xử xét giao các cháu H, A, S1 cho nguyên đơn S tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn S yêu cầu bị đơn Th cấp dưỡng nuôi con là 6.000.000 đồng mỗi tháng cho 3 cháu đến khi các cháu trưởng thành. Kiểm sát viên tại Tòa đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/cháu mỗi tháng. Xét cha không nuôi con có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn trình bày không chứng minh được mức thu nhập của bị đơn nhưng vẫn yêu cầu cấp dưỡng để bị đơn có trách nhiệm với nuôi dưỡng con chung. Bị đơn vắng mặt nên không có văn bản trình bày ý kiến về thu nhập thực tế của mình. Nguyên đơn có cung cấp sao kê tài khoản thể hiện các khoản tiền do bị đơn gửi về nhưng không ổn định, do đó không có căn cứ chấp nhận mức cấp dưỡng nguyên đơn yêu cầu cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Các cháu Hưng, Anh, Sang còn rất nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của cả cha và mẹ đủ về vật chất và tinh thần để các cháu có thể ổn định tâm lý, phát triển khỏe mạnh. Do đó, căn cứ vào nhu cầu thiết yếu cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung, buộc bị đơn có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng mỗi cháu. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày Tòa án xét xử vụ án cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phạm Thị Thanh S được ly hôn với bị đơn Trương Tấn Th.

2. *Về con chung*: Giao các con chung Trương Quốc H, sinh ngày 03/9/2017, cháu Trương Phạm Tú A, sinh ngày 02/4/2020 và cháu Trương Thanh S1, sinh ngày 05/11/2021 cho nguyên đơn Phạm Thị Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bị đơn Trương Tấn Th cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về án phí HNGĐ-ST*: Nguyên đơn Phạm Thị Thanh S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0007577 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nguyên đơn S đã nộp đủ. Bị đơn Th phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

4. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- UBND Phường M (số 119/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Uyên